

CÁC YẾU TỐ TÁC ĐỘNG TỚI QUẢN TRỊ TÀI CHÍNH CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG LẬP TRÊN ĐỊA BÀN TP. HỒ CHÍ MINH

Ths. Nguyễn Tấn Lượng*

Từ các giả thuyết nghiên cứu và bản khảo sát được thiết kế, tác giả đã thực hiện khảo sát xã hội học với 120 kế toán, thành viên Hội đồng trường, Ban giám hiệu tại 29 trường đại học công lập tại TP. Hồ Chí Minh, sau đó sử dụng phần mềm SPSS 22.0 để thực hiện phân tích dữ liệu thu được. Kết quả cho thấy quản trị tài chính trường Đại học công lập phụ thuộc vào hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật của nhà nước liên quan đến quản trị tài chính trường Đại học công lập, môi trường kinh tế - xã hội, chiến lược của Nhà trường, các nguồn lực và hệ thống thông tin nội bộ của Trường Đại học công lập. Đây là những yếu tố có tác động và ảnh hưởng có ý nghĩa thống kê đến quản trị tài chính trường đại học công lập.

• Từ khóa: trường đại học công lập; quản trị tài chính; yếu tố.

From research hypotheses and the designed survey, the author carried out a sociological survey with 120 accountants, members of the university board, and members of the university council in 29 state universities in Ho Chi Minh City then used SPSS 22.0 software to perform the necessary analysis. The results show that state university financial administration depends on the system of legal documents related to financial administrations of state universities, socioeconomic environment, the universities' strategies, the universities' resources, and the universities' internal information system. These are the factors that have an impact and statistically significant influence on state university financial administration.

• Key words: public university; financial management; factor.

Ngày gửi bài: 25/10/2024

Ngày gửi phản biện: 05/11/2024

Ngày nhận kết quả và sửa phản biện: 20/11/2024

Ngày chấp nhận đăng: 18/12/2024

1. Đặt vấn đề

Quản trị tài chính là thuật ngữ được nhắc đến khá nhiều trong doanh nghiệp, tuy nhiên, hoạt động tài chính luôn tồn tại trong hầu hết các đơn vị, tổ chức, cơ quan, đơn vị, đối với các trường đại học, đặc biệt là trường đại học công lập khái niệm quản trị tài chính trường đại học công lập (ĐHCL) là một trong những khái niệm khá mới ở Việt Nam. Có thể hiểu, quản trị tài chính trường ĐHCL là quản trị các quan hệ tài chính phát sinh trong quá trình lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, lãnh đạo và kiểm tra quá trình

tạo lập, sử dụng các nguồn tài chính, các quỹ tiền tệ nhằm thực hiện chức năng, nhiệm vụ giáo dục và đào tạo theo quy định của Nhà nước.

Thời gian qua, các nghiên cứu về yếu tố tác động tới quản lý tài chính (Financial management) trường ĐHCL ở Việt Nam, cũng như trên thế giới khá đa dạng, tuy nhiên nghiên cứu yếu tố tác động tới quản trị tài chính (Financial administration) trường ĐHCL mới chỉ mới chỉ tập trung đề cập tới các nhóm yếu tố tác động trong nội dung cơ sở lý luận, chưa có các nghiên cứu đánh giá các yếu tố tác động tới quản trị tài chính trường ĐHCL dựa trên kết quả điều tra thực tế từ đó xây dựng mô hình các yếu tố tác động một cách khoa học, đây chính là nội dung chính mà nghiên cứu đề cập đến trong bài viết này.

2. Cơ sở lý luận và giả thuyết nghiên cứu

Thông qua việc đánh giá, tổng quan tài liệu nghiên cứu liên quan đến các yếu tố tác động tới quản trị tài chính và quản lý tài chính trường ĐHCL, có thể thấy rằng, các yếu tố tác động đến quản trị tài chính trường ĐHCL có thể chia thành 2 nhóm lớn, đó là nhóm các yếu tố khách quan và nhóm các chủ quan.

(i) *Cơ chế, chính sách của Chính phủ, Nhà nước* nhất là cơ chế, chính sách liên quan đến tài chính trường Đại học là yếu tố sẽ có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp tới quản lý, điều hành cũng như quản trị tài chính của trường (Theo Sanyal và Martin (1998), Eric Morgan, Malcolm Prowle (2004), Trương Thị Hiền (2017), Lê Văn Dũng (2017), Lê Thế Tuyên (2020), Chu Tuấn Anh (2021).

Các cơ chế, chính sách là hành lang pháp lý bảo đảm cho các đơn vị sự nghiệp công lập nói chung,

* Trường Đại học Mở TP. Hồ Chí Minh; email: luong.nt@ou.edu.vn

các trường ĐHCL nói riêng hoạt động và phát triển theo đúng pháp luật. Thông qua cơ chế, chính sách, Nhà nước tác động đến hoạt động tài chính, quá trình quản trị tài chính của các Nhà trường một cách trực tiếp hoặc gián tiếp. Trong đó, các cơ chế, chính sách tác động trực tiếp bao gồm cơ chế phân bổ ngân sách nhà nước (NSNN), chính sách giá, phí, thuế, thu hút đầu tư... các cơ chế, chính sách liên quan đến tự chủ tài chính, tự chủ trường Đại học, tổ chức bộ máy, tuyển dụng, tiền lương, bảo hiểm... có tác động gián tiếp tới quản trị tài chính của các trường.

Giả thuyết H₁: Các yếu tố thuộc hệ thống văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến quản trị tài chính trường ĐHCL (LAW) có tác động tới quản trị tài chính trường ĐHCL

(ii) *Môi trường kinh tế - xã hội* trong đó có sự phát triển của nền kinh tế thị trường, sự phát triển khoa học công nghệ, xu hướng tự chủ trường ĐHCL, kinh tế tri thức, hội nhập quốc tế... là những nhân tố có tác động trực tiếp và gián tiếp tới quản trị tài chính các trường (Theo Eric Morgan, Malcolm Prowle (2004), Chu Tuấn Anh (2021), Đồng Thị Phương Nga (2021), Lê Văn Dũng (2017), Lê Thế Tuyên (2020), Trương Thị Hiền (2017)). Trong đó, sự phát triển của nền kinh tế là tiền đề quan trọng đối với sự phát triển nguồn tài chính bền vững, lành mạnh của các trường ĐHCL nói riêng, đơn vị SNCL nói chung. Thông qua sự phát triển của nền kinh tế thị trường, Nhà nước đóng vai trò quan trọng trong việc quản lý vĩ mô, tạo hành lang pháp lý định hướng cho các trường phát triển bền vững, từ đó tác động trực tiếp tới các chiến lược phát triển của trường ĐHCL trong đó có chiến lược về tài chính. Cùng với sự phát triển của kinh tế thị trường, các trường ĐHCL chuyển từ mô hình kiểm soát hoàn toàn của Nhà nước sang mô hình tự chủ, phát huy năng lực quản trị tài chính, tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong cơ chế quản lý nội bộ, tất cả những vấn đề này đều tác động tới quản trị tài chính của các Nhà trường.

Giả thuyết H₂: Các yếu tố thuộc môi trường kinh tế - xã hội (SE) có tác động tới quản trị tài chính trường ĐHCL

(iii) *Chiến lược của nhà trường*. Trong xu hướng hội nhập quốc tế về giáo dục đào tạo, sự ra đời của các ngành nghề mới, sự bão hoà, thậm chí là không còn phù hợp của một số ngành nghề truyền thống đòi hỏi các trường cần xây dựng các chiến lược riêng sao cho đảm bảo sự phát triển bền vững trong tương lai, trên cơ sở sử dụng nguồn lực tài chính hiệu quả. Ngoài ra, với sự hạn chế của nguồn tài trợ từ NSNN,

trong chiến lược phát triển cần hướng tới các mục tiêu đa dạng hoá nguồn tài chính cho nhà trường, đây chính là cơ sở để đảm bảo cho hoạt động của nhà trường không bị gián đoạn. Bên cạnh đó, chiến lược của nhà trường còn cần đảm bảo yếu tố văn hoá quản lý chuyên nghiệp và cơ cấu tổ chức quản lý khoa học, hiệu quả để có thể đảm bảo nhà trường thích ứng với những thay đổi cũng như hoà nhập được với môi trường đào tạo quốc tế. Như vậy, có thể thấy rằng, nhân tố này có tác động trực tiếp tới quản trị tài chính trường ĐHCL cũng phù hợp với các nghiên cứu trước đây của Mohd Rahim Khamis và cộng sự (2019), Trương Thị Hiền (2017), Lê Thế Tuyên (2020), Chu Tuấn Anh (2021), Đồng Thị Phương Nga (2021).

Giả thuyết H₃: Chiến lược của Nhà trường (STR) có tác động tới quản trị tài chính trường ĐHCL;

(iv) *Năng lực của nhà trường* được hiểu là khả năng sử dụng các nguồn lực đã được kết hợp một cách có mục đích để đạt được một trạng thái mục tiêu mong muốn. Mô hình và trình độ phát triển của đội ngũ quản trị tài chính của nhà trường phụ thuộc rất lớn vào các yếu tố thuộc về năng lực của trường Đại học. Các yếu tố thuộc nhóm này có tác động tới chất lượng, hiệu quả và mô hình quản trị tài chính của trường ĐHCL bao gồm: Trình độ của đội ngũ nhà giáo; Năng lực của nhà quản trị; Hệ thống cơ sở vật chất. Trong số này, có thể nói năng lực của nhà quản trị giữ vai trò trung tâm, tác động trực tiếp tới hiệu quả quản trị tài chính của nhà trường.

Giả thuyết H₄: Năng lực của Nhà trường (PO) có tác động tới quản trị tài chính trường ĐHCL

(v) *Hệ thống thông tin nội bộ phục vụ ra quyết định quản trị*

Hệ thống thông tin nội bộ có vai trò quan trọng đối với chất lượng và hiệu quả quản trị của nhà trường. Các thông tin này có đầy đủ, chính xác, cung cấp kịp thời thì nhà quản trị nói chung, quản trị tài chính nói riêng mới có những đánh giá, góc nhìn và ra các quyết định được chính xác, hiệu quả. Chính vì vậy, các yếu tố thuộc nhóm này có tác động tới quản trị tài chính nhà trường bao gồm: Chất lượng hệ thống thông tin; Tính kịp thời của thông tin và hệ thống kiểm soát nội bộ. Trong số này, hệ thống kiểm soát nội bộ giữ vai trò quan trọng bởi hệ thống được thiết kế nhằm ngăn chặn gian lận, giảm thiểu sai sót, khuyến khích hiệu quả hoạt động, đảm bảo sự tuân thủ các chính sách và quy trình được thiết lập. Hệ thống này không đo đếm kết quả dựa trên các con số tăng trưởng, mà chỉ giám sát nhân viên,

chính sách, hệ thống, phòng ban của tổ chức đang vận hành ra sao và nếu vẫn giữ nguyên cách làm đó, thì có khả năng hoàn thành kế hoạch không. Ngoài ra, thiết lập được một hệ thống kiểm soát nội bộ hữu hiệu sẽ hạn chế đến mức thấp nhất việc thất thoát tài sản của tổ chức.

Giả thuyết H₅: Hệ thống thông tin nội bộ phục vụ ra quyết định quản trị (INF) có tác động tới quản trị tài chính trường ĐHCL

Theo đó, mô hình các yếu tố tác động tới quản trị tài chính trường ĐHCL trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh là:

$$FA = \alpha_0 + \alpha_1 LAW + \alpha_2 SE + \alpha_3 STR + \alpha_4 PO + \alpha_5 INF + \varepsilon$$

Trong đó:

FA: là biến phụ thuộc – Quản trị tài chính trường ĐHCL;

LAW, SE, STR, PO, INF: là các biến độc lập đại diện cho các yếu tố đã chỉ ra ở trên

α_0 là hằng số hồi quy

$\alpha_1, \alpha_2, \alpha_3, \alpha_4, \alpha_5$: là các hệ số cần tìm.

ε là phần dư

3. Phương pháp nghiên cứu

Thông qua việc sử dụng một số phương pháp nghiên cứu định lượng như thống kê mô tả, đánh giá độ tin cậy tương quan Cronbach Alpha, kiểm định các nhân tố EFA, phân tích tương quan để xác định được mô hình các yếu tố tác động tới quản trị tài chính trường ĐHCL trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh

Để kiểm định mô hình, tác giả thực hiện điều tra bằng phiếu điều tra về các yếu tố ảnh hưởng đến quản trị tài chính trường ĐHCL trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh. Đối tượng tham gia khảo sát điều tra là thành viên Hội đồng trường, Ban giám hiệu, kế toán trưởng, trưởng phòng kế toán, trưởng phòng kế hoạch, kế toán tổng hợp tại các trường tham gia trả lời khảo sát.

Mẫu điều tra: Theo Hair và cộng sự (2006) đã chỉ ra kích thước mẫu tối thiểu để đảm bảo độ tin cậy cho phân tích cần gấp 5 lần số biến quan sát của biến độc lập, trong nghiên cứu này, NCS thực hiện quan sát và đánh giá 5 biến độc lập với 17 biến quan sát tương ứng nên kích thước mẫu tối thiểu cần quan sát là $17 \times 5 = 85$. NCS đã tiến hành gửi 175 bảng hỏi tới 35 trường ĐHCL trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh. Danh sách các trường Đại học này được dựa trên danh sách thống kê các cơ sở giáo dục đại học tại TP. Hồ Chí Minh tính đến hết tháng 6/2022 được

công bố trên Website của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Kết quả thu về được 120 phiếu hợp lệ của 29 trường ĐHCL - đây cũng là số mẫu quan sát mà nghiên cứu chọn làm mẫu điều tra. Số lượng này cũng đảm bảo điều kiện lớn hơn số mẫu quan sát tối thiểu là 85 (Hair J.F và cộng sự, 2006).

Các biến quan sát được đo lường thông qua thang đo Likert 5 bậc (1. Tác động rất tiêu cực; 2. Tác động tiêu cực; 3. Bình thường; 4. Tác động tích cực; 5. Tác động rất tích cực).

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Đánh giá độ tin cậy của các yếu tố

Hệ số kiểm định độ tin cậy Cronbach Alpha là một phép kiểm định thống kê về mức độ chặt chẽ của các chỉ số được sử dụng trong thang đo các yếu tố tác động tới quản trị tài chính trường ĐHCL (FA) theo các giả thuyết đã được xây dựng. Theo kết quả tính toán Cronbach Alpha tổng thể mẫu cho thấy nhóm các yếu tố khảo sát được trả về trong các giá trị Cronbach Alpha ở mức đảm bảo độ tin cậy ($0,738 > 0,700$); bên cạnh đó, Cronbach's Alpha của nhóm các yếu tố đều lớn hơn 0,6 cho thấy nhóm yếu tố đã chọn sẽ đảm bảo mức độ có ý nghĩa cần thiết trong nghiên cứu (Gliem, J., & Gliem, R., 2003). Mặt khác, tất cả các yếu tố có chỉ số Cronbach's Alpha tương quan yếu tố - tổng thể nhóm $> 0,300$ và Cronbach's Alpha nếu yếu tố bị xóa đều nhỏ hơn Cronbach's Alpha tổng thể nhóm vì vậy chúng có tương quan với các yếu tố khác và sẽ được giữ lại trong mô hình (Chi tiết Bảng 1).

Bảng 1: Kết quả thống kê độ tin cậy của các yếu tố

Tên yếu tố	Biến quan sát	Cronbach's Alpha	Giá trị Cronbach's Alpha nếu biến bị loại	Tên yếu tố	Biến quan sát	Cronbach's Alpha	Giá trị Cronbach's Alpha nếu biến bị loại
LAW		0,750		STR3		0,857	
	LAW1		0,644	STR4		0,840	
	LAW2		0,710	STR5		0,841	
	LAW3		0,643	PO		0,717	
SE		0,675		PO1		0,710	
	SE1		0,450	PO2		0,611	
	SE2		0,479	PO3		0,527	
	SE3		0,753	INF		0,792	
STR		0,866		INF1		0,745	
	STR1		0,814	INF2		0,633	
	STR2		0,833	INF3		0,764	
Cronbach's Alpha tổng thể: 0,738							

Nguồn: Kết quả kiểm định theo SPSS

4.2. Phân tích nhân tố khám phá - EFA

Hệ số KMO = 0,715, đảm bảo yêu cầu $0,5 \leq KMO \leq 1$ cho thấy phân tích yếu tố thích hợp với dữ liệu nghiên cứu (Hair J.F và cộng sự, 2006);

Kết quả kiểm định Bartlett's bằng 941,171 với mức ý nghĩa Sig.=0,000<0,050 (bác bỏ giả thuyết các biến quan sát không có tương quan với nhau trong tổng thể). Theo đó, dữ liệu dùng để phân tích yếu tố là hoàn toàn phù hợp.

Bảng 2: Kiểm định KMO và Bartlett's

Hệ số KMO		0,715
Kiểm định Bartlett's	Giá trị chi bình phương xấp xỉ	941,171
	Bậc tự do (df)	136
	Giá trị Sig	0,000

Nguồn: Kết quả kiểm định theo SPSS

Với mô hình ma trận xoay tổng thể 5 yếu tố giải thích được 71,133% sự biến động của yếu tố tổng (Bảng 3). Bên cạnh đó, kết quả ma trận xoay các yếu tố bảo đảm yêu cầu hệ số tải với số mẫu là 120 (hệ số tải của các phân tử) phải lớn hơn 0,50 (Cohen, J.W., 1988), theo kết quả trên bảng 4 do tất cả các yếu tố đều có hệ số tải lớn hơn 0,50 nên không có yếu tố nào bị loại ra khỏi mô hình.

Bảng 3: Giải thích tổng thể biến

Yếu tố	Eigenvalues khởi tạo			Tổng bình phương của hệ số tải nhân tố được trích			Tổng bình phương của hệ số tải nhân tố xoay		
	Tổng	% của phương sai	Tỷ lệ % tích lũy	Tổng	% của phương sai	Tỷ lệ % tích lũy	Tổng	% của phương sai	Tỷ lệ % tích lũy
1	4,622	27,187	27,187	4,622	27,187	27,187	3,369	19,817	19,817
2	2,547	14,981	42,168	2,547	14,981	42,168	2,555	15,027	34,844
3	2,036	11,975	54,143	2,036	11,975	54,143	2,118	12,458	47,302
4	1,547	9,103	63,246	1,547	9,103	63,246	2,040	12,001	59,302
5	1,341	7,887	71,133	1,341	7,887	71,133	2,011	11,831	71,133

Nguồn: Kết quả phân tích theo SPSS

Bảng 4: Ma trận xoay các yếu tố

Biến quan sát	Yếu tố					Biến quan sát	Yếu tố				
	1	2	3	4	5		1	2	3	4	5
STR5	0,813					PO1			0,803		
STR3	0,801					PO2			0,786		
STR1	0,743					PO3			0,748		
STR2	0,735					LAW1				0,835	
STR4	0,711					LAW3				0,827	
INF1		0,844				LAW2				0,779	
INF2		0,812				SE2					0,766
INF3		0,638				SE1					0,728
						SE3					0,701

Nguồn: Kết quả phân tích theo SPSS

Sau khi phân tích nhân tố khám phá, kết quả từ 17 yếu tố ban đầu được hội tụ vào 5 biến đại diện lần lượt là T.LAW; T.SE; T.STR; T.PO; T.INF.

4.3. Kết quả phân tích tương quan

Phân tích tương quan được sử dụng để kiểm tra mối tương quan tuyến tính giữa biến phụ thuộc với 5 biến độc lập đồng thời sớm nhận diện xem có hiện tượng đa cộng tuyến xảy ra hay không

thông qua mối quan hệ tương quan giữa chính các biến độc lập với nhau. Kết quả phân tích tương quan cho thấy, giá trị sig của kiểm định t của các nhóm yếu tố T.LAW; T.SE; T.STR; T.PO; T.INF với biến phụ thuộc FA lần lượt là 0,000; 0,001; 0,005; 0 đều nhỏ hơn 0,05. Đồng thời hệ số tương quan Pearson cho thấy sự tương quan tuyến tính giữa các cặp biến đều ở mức tin cậy đến 99%. Như vậy, có thể khẳng định rằng giữa biến độc lập và các biến phụ thuộc có mối liên hệ tuyến tính với nhau.

Bên cạnh đó, khi xét mối quan hệ giữa các biến độc lập với nhau thông qua kết quả phân tích tương quan cho thấy:

+ Giá trị sig của kiểm định t giữa biến độc lập T.LAW với các biến độc lập T.SE; T.STR; T.PO; T.INF; giữa biến độc lập T.STR với T.PO; giữa biến độc lập T.PO với T.INF đều lớn hơn 0,05 nên gần như không có khả năng xảy ra đa cộng tuyến giữa các cặp biến này với nhau.

+ Giá trị sig của kiểm định t giữa biến độc lập T.SE với các biến độc lập T.STR; T.PO; T.INF; giữa biến độc lập T.STR với T.INF đều nhỏ hơn 0,05 nhưng trị tuyệt đối hệ số tương quan lại nhỏ hơn 0,7 nên có khả năng sẽ xảy ra hiện tượng đa cộng tuyến, vì vậy cần lưu ý trong phân tích hồi quy ở bước tiếp theo.

4.4. Kết quả phân tích hồi quy bội

Phân tích hồi quy bội bằng phương pháp Enter được thực hiện nhằm đánh giá sự tác động của các biến độc lập (T.LAW; T. T.SE; T.STR; T.PO; T.INF) lên biến phụ thuộc (FA). Kết quả cho thấy giá trị R² hiệu chỉnh bằng 0,61 cho thấy các biến độc lập đưa vào phân tích hồi quy có ảnh hưởng tới 61% sự biến thiên của biến phụ thuộc, còn lại là do các biến ngoài mô hình và sai số ngẫu nhiên. Cũng trong bảng này, giá trị Durbin-Watson bằng 1,95 nằm trong khoảng từ 1,5 đến 2,5 nên kết quả không vi phạm giả định tự tương quan chuỗi bậc nhất (Hair J.F và cộng sự, 2006).

Bảng 5: Kết quả phân tích hồi quy bội

Mô hình tổng kết^a

Mô hình	Hệ số R	Hệ số xác định R ²	Hệ số R ² hiệu chỉnh	Sai số chuẩn của ước lượng	Giá trị Durbin-Watson
1	0,792 ^a	0,627	0,610	0,44860	1,950

ANOVA^b

Mô hình	Tổng bình phương	df	Giá trị bình phương trung bình	F	Sig.
1 Giá trị hồi quy	38,525	5	7,705	38,287	0,000 ^a
Phần dư	22,942	114	0,201		
Tổng	61,467	119			

Hệ số hồi quy^a

Model	Hệ số hồi quy chưa chuẩn hoá		Hệ số hồi quy chuẩn hoá (Beta)	Giá trị t	Giá trị Sig.	Thống kê đa cộng tuyến	
	B	Sai số chuẩn				Độ chấp nhận	Hệ số phóng đại phương sai
(Hằng số)	-6,379	0,804		-7,934	0,000		
1	T.LAW	0,601	0,093	0,370	6,471	0,000	0,999
	T.SE	0,246	0,092	0,170	2,683	0,008	0,817
	T.STR	0,651	0,139	0,332	4,681	0,000	0,652
	T.INF	0,523	0,111	0,325	4,733	0,000	0,694
	T.PO	0,403	0,103	0,239	3,916	0,000	0,878

a. Predictors: (Constant), T.PO, T.INF, T.LAW, T.SE, T.STR

b. Dependent Variable: FA

Nguồn: Kết quả phân tích theo SPSS

Bảng 5 - ANOVA cho kết quả giá trị sig của kiểm định F bằng $0,000 < 0,05$ cho thấy mô hình hồi quy là phù hợp nghĩa là có sự khác biệt thống kê giữa các biến độc lập và biến phụ thuộc trong mô hình được xây dựng. Cũng trong bảng này, hệ số hồi quy cho thấy tất cả các biến độc lập gồm T.LAW; T. T.SE; T.STR; T.PO; T.INF đều có sig kiểm định t nhỏ hơn 0,05, do đó các biến này đều có ý nghĩa thống kê, cũng như đều tác động lên biến phụ thuộc FA. Hệ số hồi quy các biến độc lập này đều mang dấu dương, theo đó các biến độc lập có tác động thuận chiều lên biến phụ thuộc. Bên cạnh đó, hệ số phóng đại phương sai (VIF) của các biến độc lập đều nhỏ hơn 2 nên dữ liệu không vi phạm giả định đa cộng tuyến (Nguyễn Đình Thọ, 2014).

Từ các hệ số hồi quy, mô hình hồi quy chuẩn hóa các yếu tố xác định được là:

$$FA = -7,934 + 6,471LAW + 2,683SE + 4,681STR + 3,916PO + 4,733INF + \varepsilon$$

5. Kết luận và hàm ý

Kết quả của nghiên cứu cho thấy quản trị tài chính trường ĐHCL trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh chịu tác động của: Các yếu tố thuộc hệ thống văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến quản trị tài chính trường ĐHCL; Các yếu tố thuộc môi trường kinh tế - xã hội; Chiến lược của Nhà trường; Năng lực của Nhà trường; Hệ thống thông tin nội bộ phục vụ ra quyết định quản trị.

Hệ thống văn bản pháp luật có tác động trực tiếp đến công tác quản trị tài chính của các trường ĐHCL tại TP. Hồ Chí Minh, do đó Chính phủ, Nhà nước cần tiếp tục xây dựng, hoàn thiện một khuôn khổ pháp lý rõ ràng. Khuôn khổ này là yếu tố nâng cao nhận thức của cả thành viên hội đồng trường, ban giám hiệu về tầm quan trọng của công tác quản trị tài chính tại các trường ĐHCL.

Đối với môi trường kinh tế - xã hội, do đây là yếu tố khách quan tồn tại bên ngoài Nhà trường, vì vậy, trong công tác quản trị tài chính, các trường cần phân tích rõ cơ hội, thách thức của môi trường kinh tế - xã hội mang lại cho Nhà trường, qua đó có được những dự báo, ra quyết định tối ưu.

Các chiến lược của Nhà trường có ý nghĩa quan trọng trong việc định hướng phát triển của mỗi trường, vì vậy trong công tác quản trị tài chính, ngoài việc xây dựng và công khai chiến lược phát triển nhà trường, về lâu dài cần xác định rõ các mục tiêu tài chính dài hạn và ngắn hạn, tập trung xây dựng chính sách chiến lược tài chính dài hạn gắn chặt với chiến lược phát triển đã đề ra. Thường xuyên rà soát, giám sát việc thực hiện, đối chiếu thực tế với kế hoạch đề kịp thời điều chỉnh. Xây dựng kế hoạch tài chính hàng năm ngắn hạn trên cơ sở kế hoạch tài chính dài hạn, kết quả phân tích tài chính, dự báo nhu cầu xã hội trong ngắn hạn. Tập trung hoàn thiện, nâng cao hệ thống thông tin tài chính, hệ thống thông tin quản lý hoạt động của trường.

Bên cạnh đó, để phát triển năng lực của Nhà trường, cần xây dựng và triển khai tốt kế hoạch đào tạo, phát triển đội ngũ cán bộ quản trị tài chính. Trong kế hoạch cần phải chú trọng nội dung đào tạo, phát triển đội ngũ cán bộ tham gia công tác lập kế hoạch, triển khai, giám sát.

Cuối cùng là, các trường sớm hoàn thiện hệ thống thông tin toàn diện với sự ứng dụng ERP để thu thập, chia sẻ, cung cấp thông tin một cách liên tục trong nội bộ, cũng như làm cơ sở giám sát, ra quyết định trong đó có quyết định tài chính trong các hoạt động của nhà trường.

Tài liệu tham khảo:

- Chu Tuấn Anh (2021). *Quản lý tài chính các cơ sở bồi dưỡng cán bộ ngành tài chính*, Luận án tiến sĩ Kinh tế, Học viện Tài chính.
- Bikas C. Sanyal and Michaela Martin (1998), *Management of higher education with special reference to financial management in African institutions*, UNESCO, Paris, 1998, P.9.
- Cohen, J.W. (1988), *Statistical power analysis for the behavioral sciences* (2nd edition), Hillsdale, NJ: Lawrence Erlbaum Associates.
- Lê Văn Dũng (2017). *Quản trị tài chính tại các trường đại học công lập ngành y ở Việt Nam*, Luận án tiến sĩ kinh tế, Trường đại học kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Eric Morgan, Malcolm Proville, *Financial Management and Control in Higher Education*, Routledge Publisher, 2004 [https://doi.org/10.4324/9780203416143].
- Gliem, J., & Gliem, R. (2003), "Calculating, interpreting, and reporting Cronbach's Alpha Reliability Coefficient for Likert-type scales", *Midwest Research-to-Practice Conference in Adult, Continuing, and Community Education*.
- Hair, J., Black, W., Babin, B., Anderson, R., & Tatham, R. (2006), *Multivariate data analysis* (6th ed.), Upper saddle River, N.J.: Pearson Prentice Hall.
- Trương Thị Hiền (2017). *Quản lý tài chính tại các trường đại học công lập trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh trong điều kiện tự chủ*, Luận án tiến sĩ kinh tế, Học viện Tài chính.
- Đông Thị Phương Nga (2021). *Quản lý tài chính hoạt động khoa học và công nghệ đối với các học viện trực thuộc Bộ Quốc phòng*, Luận án tiến sĩ, Học viện Tài chính.
- Mohd Rahim Khamis, Norliza Che Yahya, Norlida Jaafar, Zaini Abdullah (2019), *Comparative and trend analysis of financial management practices in Southeast Asia Higher Education Institutions (HEIs)*, *Social and Management Research Journal*, Vol 16, No 2 (2019), P.153-166, 2019 [https://doi.org/10.24191/smri.v16i2.7072].
- Nguyễn Đình Thọ (2014). *Giáo trình phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh*, NXB Tài chính.
- Lê Thế Tuyên (2020). *Quản lý tài chính các trường đại học công lập trực thuộc Bộ Tài chính*, Luận án tiến sĩ, Học viện Tài chính.